

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2017/DS - ST

Ngày: 04 – 7 – 2017

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Dân

2. Ông Võ Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2017/TLST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2017/QĐST-DS, ngày 16 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1991, trú tại ấp A, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1983, trú tại A, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Vào năm 2014 chị Phạm Thị L (sau đây gọi tắt là chị L) có tham gia 02 dây hui do chị Phạm Thị H (gọi tắt là chị H) làm chủ hui, cụ thể:

- Dây hui áp ngày 30/01/2014 (âm lịch) giá 1.000.000 đồng, 01 tháng xổ một lần, gồm có 31 thành viên. Trong dây hui này chị L tham gia 01 chân đóng

được 28 lần thì bỏ thăm trúng hụi với số tiền là 28.000.000 đồng, nhưng chị H không giao tiền cho chị L.

Trong dây hụi này những người trong gia đình chị L cũng có tham gia chơi và đã hốt hụi, còn thiếu lại chị H tiền hụi chết là 11.000.000 đồng, nên sau khi cân trừ số tiền hụi chết gia đình chị L còn thiếu chị H là 11.000.000 đồng và 03 lần hụi chết chị L phải đóng lại cho chị H là 3.000.000 đồng, thì chị H còn nợ lại chị L là 14.000.000 đồng.

- Dây hụi áp ngày 10/12/2014 (âm lịch) giá 1.000.000 đồng, 01 tháng xổ một lần, gồm 26 thành viên, chị L tham gia 01 chân. Trong dây hụi này chị L đóng được 17 lần, đến ngày 10/4/2016 (âm lịch) thì chị H đình hụi không gom nữa. Như vậy, theo thỏa thuận chơi hụi thì số tiền chị H còn thiếu chị L là 17.000.000 đồng. Đến ngày 28/12/2016 (âm lịch) chị H có trả được cho chị L 2.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng không trả.

Tổng số tiền chị H còn thiếu chị L trong 02 dây hụi trên là 29.000.000 đồng. Chị L yêu cầu Tòa án buộc chị H phải trả cho chị L số tiền hụi còn thiếu là 29.000.000 đồng.

Bị đơn chị Phạm Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn chị Phạm Thị H được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải lần 01, lần 02, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bị đơn chị H cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Phạm Thị H.

[2]. **Về quan hệ pháp luật:** Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Phạm Thị L với bị đơn chị Phạm Thị H là “tranh chấp hụi”. Cụ thể chị L yêu cầu chị H trả tiền hụi còn thiếu là 29.000.000 đồng.

[3]. **Về nội dung tranh chấp:** Xét yêu cầu của chị L về việc đòi chị H trả số tiền 29.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo giấy thỏa thuận chơi hụi ngày 30/01/2014 (âm lịch) và ngày

10/12/2014 (âm lịch) chị L có tham gia chơi hụi với chị H (do chị H làm chủ hụi).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị H đến lần thứ 2, nhưng chị H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố.

Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (về nghĩa vụ chứng minh) quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Do đó, căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa, chị L trình bày trong dây hụi ngày 30/01/2014 (âm lịch) chị L bỏ thăm trúng hụi nhưng chị H không có giao tiền cho chị L. Theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phưởng thì chủ hụi phải có nghĩa vụ giao đủ tiền cho người được lĩnh hụi.

Trong dây hụi này chị L hốt được 28.000.000 đồng, sau khi khấu trừ số tiền hụi chết gia đình chị L còn thiếu chị H là 11.000.000 đồng và 03 lần hụi chết chị L còn thiếu chị H là 3.000.000 đồng, thì chị H còn thiếu lại chị L là 14.000.000 đồng, nên phải có trách nhiệm trả cho chị L số tiền 14.000.000 đồng.

Đối với dây hụi ngày 10/12/2014 (âm lịch), chị L trình bày đóng được 17 lần, theo thỏa thuận chơi hụi thì chị H còn thiếu chị L là 17.000.000 đồng. Sau đó chị H có trả được cho chị L 2.000.000 đồng, còn nợ lại 15.000.000 đồng.

Do chị H bị bể hụi nên chị L xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị H trả lại số tiền thực đóng trong dây hụi này là 11.900.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng chị H đã trả cho chị L, còn lại 9.900.000 đồng.

Xét việc nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị L đối với chị H đối với số tiền 3.100.000 đồng (15.000.000 đồng - 11.900.000 đồng).

Chị L không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc bị đơn chị H

phải có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền hui còn thiếu là 25.900.000 đồng.

[4]. **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.295.000 đồng.

Chị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 725.000 đồng theo biên lai thu số 0000981, ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 15 Nghị định 144/2006/NĐ -CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biên, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L đối với bị đơn chị Phạm Thị H về việc tranh chấp hui.

2. Buộc chị Phạm Thị H phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị L số tiền là 25.900.000 đồng (*hai mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng*).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L về việc yêu cầu bị đơn chị Phạm Thị H trả số tiền 3.100.000 đồng.

4. Về án phí: Bị đơn chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.295.000 đồng (*một triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

Chị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 725.000 đồng theo biên lai thu số 0000981, ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U.

5. Kể từ khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhân:

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện U
- Chi cục THA huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Tuấn Khanh

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**